

Số : *204*/CĐGD

Hoà Bình, ngày *04* tháng 12 năm 2019

V/v hướng dẫn CĐCS xây dựng dự toán
Thu, chi tài chính công đoàn năm 2020

Kính gửi: Công đoàn các đơn vị, trường học trực thuộc.

Căn cứ Hướng dẫn số 10/HD-LĐLĐ ngày 07/10/2019 của Liên đoàn Lao động tỉnh về việc hướng dẫn xây dựng dự toán tài chính công đoàn năm 2020;

Căn cứ số liệu về số lao động, quỹ tiền lương đóng Bảo hiểm Xã hội tại thời điểm tháng 9 năm 2019 của các đơn vị, trường học trực thuộc do cơ quan Bảo hiểm Xã hội cung cấp;

Căn cứ kết quả thực hiện thu, chi tài chính công đoàn cơ sở năm 2019,

Công đoàn Giáo dục Hoà Bình hướng dẫn công đoàn các đơn vị, trường học trực thuộc xây dựng dự toán thu, chi tài chính công đoàn năm 2020 như sau:

I. MỤC TIÊU, NGUYÊN TẮC VÀ YÊU CẦU KHI XÂY DỰNG DỰ TOÁN

1. Mục tiêu, nguyên tắc

- Dự toán tài chính công đoàn năm 2020 cần quán triệt thực hiện nghiêm túc các quy định của Luật Công đoàn, Nghị định của Chính phủ, quy định của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam và hướng dẫn của Công đoàn Giáo dục Hoà Bình về công tác tài chính công đoàn.

- Xây dựng dự toán thu tài chính công đoàn phải đảm bảo thu đúng, thu đủ theo quy định của Nhà nước, của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

2. Yêu cầu

- Dự toán tài chính công đoàn năm 2020 phải xây dựng theo hướng tích cực, có tính khả thi cao phù hợp với tình hình thực tế của từng đơn vị.

- Xây dựng các khoản chi theo hướng tiết kiệm, hiệu quả và điều tiết giảm các khoản chi hành chính, hoạt động phong trào theo tinh thần Nghị quyết 9C/NQ-BCH.

II. XÂY DỰNG DỰ TOÁN THU TÀI CHÍNH CÔNG ĐOÀN NĂM 2020

1. Thu kinh phí Công đoàn

Quỹ lương làm căn cứ xác định số thu kinh phí công đoàn năm 2020 để xây dựng dự toán được tính theo công thức sau:

Ước quỹ lương năm 2020 = Mức lương bình quân 1 tháng của 1 lao động (Theo số liệu BHXH cung cấp) x số lao động phải đóng KPCĐ x 12 tháng x 10% (mức tăng lương định kỳ)

2. Thu đoàn phí Công đoàn

Quỹ lương làm căn cứ xác định số thu đoàn phí công đoàn năm 2020 để xây dựng dự toán được tính theo công thức sau:

Ước quỹ lương năm 2020 = Mức lương bình quân 1 tháng của 1 đoàn viên (Theo số liệu BHXH cung cấp) x số đoàn viên phải đóng ĐPCĐ x 12 tháng x 10% (mức tăng lương định kỳ).

Công đoàn Giáo dục Hoà Bình gửi kèm theo công văn này ***“Kế hoạch thu kinh phí công đoàn năm 2020”*** để công đoàn cơ sở tham khảo số liệu làm căn cứ xây dựng dự toán tài chính công đoàn năm 2020. Số liệu trong kế hoạch thu kinh phí công đoàn năm 2020 được công đoàn ngành tính toán trên cơ sở quỹ lương tháng 9 do cơ quan BHXH cung cấp.

3. Thu khác

Nguồn thu do chuyên môn hỗ trợ hoặc từ các nguồn thu khác tại đơn vị.

Trong bảng ***“Kế hoạch thu kinh phí công đoàn năm 2020”*** có nhiều cột biểu, tuy nhiên công đoàn cơ sở chỉ lấy số liệu ở cột số 13 ***“1% đoàn phí công đoàn phải thu năm 2020”*** và tính số kinh phí được cấp trên cấp để đưa vào dự toán.

Ví dụ: Cơ quan Sở GD&ĐT

*** Phần thu:**

- Đoàn phí CĐ (cột số 13)	45.135.000đ
---------------------------	-------------

- Thu khác:	0đ
-------------	----

- Kinh phí cấp trên cấp:	45.135.000đ
--------------------------	-------------

(Cách tính KP cấp trên cấp = “2% kinh phí CĐ” (số liệu ở cột 10):2 *0,10

Từ năm 2020 tỷ lệ kinh phí cấp trên cấp về cho CĐCS là 0.1).

Tài chính tích lũy kỳ trước chuyển sang:	0đ
--	----

Cộng thu:

	90.269.000đ
--	--------------------

III. XÂY DỰNG DỰ TOÁN CHI TÀI CHÍNH CÔNG ĐOÀN NĂM 2020

Dự toán chi tài chính năm 2020 cần chấp hành nguyên tắc và phân bổ dự toán của Công đoàn Giáo dục Hoà Bình; quán triệt các giải pháp về tiết kiệm chi tiêu, chống lãng phí, đảm bảo đúng chế độ định mức theo quy định và pháp luật hiện hành. Xây dựng dự toán chi đảm bảo điều tiết giảm 10% chi hành chính, hoạt động phong trào theo NQ 9C/NQ-BCH để dành kinh phí nộp Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam phục vụ cho việc xây dựng thiết chế của Công đoàn tại các Khu công nghiệp, khu chế xuất.

Dự toán chi tài chính công đoàn năm 2020 của công đoàn cơ sở cần thực hiện theo các văn bản sau:

- Nghị quyết số 09C/NQ-BCH ngày 18/10/2016 của BCH Tổng LĐLĐ Việt Nam về điều chỉnh tỷ trọng chi hành chính, hoạt động phong trào tại các cấp công đoàn để tạo nguồn kinh phí cho đầu tư xây dựng các thiết chế của công đoàn, phục vụ đoàn viên, công nhân, lao động các khu công nghiệp, khu chế xuất;

- Quyết định số 1910/QĐ-TLĐ ngày 19/12/2016 của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam về quy định thu, chi, quản lý tài chính công đoàn cơ sở;

- Hướng dẫn số 44/HD-CĐGD ngày 27/3/2017 của Công đoàn Giáo dục Hoà Bình về thu, chi tài chính công đoàn cơ sở;

- Hướng dẫn số 10/HD-CĐGD ngày 15/01/2018 của Công đoàn Giáo dục Hoà Bình về hướng dẫn công đoàn cơ sở chi phụ cấp cán bộ công đoàn.

Ví dụ: Cơ quan Sở GD&ĐT

*** Phần chi: Theo số liệu thu đã có ở trên (90.269.000đ)**

- Kinh phí dự phòng: 9.026.900đ (1)

Cách tính KP dự phòng = 10% (tổng thu (90.269.000đ))

- Kinh phí nộp cấp trên (Nộp NQ9C) 5.686.947đ (2)

*Cách tính KP nộp cấp trên = (tổng thu - (1)) * 70% * 10%*

Kinh phí CĐCS được sử dụng: 75.555.153đ (3)

Cách tính = tổng thu – KP dự phòng(1) – NQ9C (2)

Trong đó:

- Phụ cấp Ban chấp hành (30%): 22.666.000đ (4)

Cách tính = 30%(nguồn KP được sử dụng (3))

- Quản lý hành chính (10%): 7.555.000đ (5)

Cách tính KP hành chính = 10%(nguồn KP được sử dụng (3))

- Hoạt động phong trào (60%) 45.334.153đ (6)

Cách tính KP phong trào = (nguồn KP được sử dụng (3)) - (4) - (5)

IV. THỜI GIAN NỘP DỰ TOÁN.

Công đoàn cơ sở xây dựng 02 bản báo cáo dự toán thu, chi tài chính công đoàn (Mẫu B14-TLĐ) và nộp về Thường trực Công đoàn ngành cùng với thời điểm duyệt quyết toán thu, chi tài chính công đoàn 6 tháng cuối năm 2019.

Công đoàn Giáo dục Hoà Bình đề nghị công đoàn các đơn vị, trường học trực thuộc căn cứ vào tình hình thực tế của đơn vị xây dựng dự toán thu, chi tài chính công đoàn năm 2020 đúng quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo CĐGD Hoà Bình;
- Website ngành;
- Lưu VP.

**TM. BAN THƯỜNG VỤ
CHỦ TỊCH**



Bùi Đức Ngọc

Công đoàn cấp trên:
Công đoàn cơ sở:

MẪU B14-TLĐ

BÁO CÁO
DỰ TOÁN THU, CHI TÀI CHÍNH CÔNG ĐOÀN
Năm 2020

A- CÁC CHỈ TIÊU CƠ BẢN:
- Số lao động tính quỹ lương đóng KPCĐ: người - Quỹ lương đóng KPCĐ: đồng
- Số đoàn viên: người - Quỹ lương đóng ĐPCĐ: đồng
- Số cán bộ chuyên trách CĐ: người

B - CÁC CHỈ TIÊU THU, CHI TÀI CHÍNH CÔNG ĐOÀN

					Đơn vị: đồng
TT	Nội dung	Mã số	Ước thực hiện năm trước	Dự toán năm nay	Cấp trên duyệt
I- PHẦN THU NGÂN SÁCH					
1	Đoàn phí công đoàn	23			
2	Kinh phí công đoàn	22			
3	Các khoản thu khác	24			
	a- Chuyên môn hỗ trợ	24.01			
	b- Thu khác tại đơn vị	24.02			
	Cộng thu NSCĐ				
4	Kinh phí cấp trên cấp	25			
5	Tích lũy tài chính năm trước chuyển sang	26			
	Tổng cộng thu				
II. CHI NGÂN SÁCH VÀ NỘP CẤP TRÊN					
1	Lương, phụ cấp và các khoản đóng theo lương (phụ cấp CB không chuyên trách)	27			
2	Quản lý hành chính	29			
3	Hoạt động phong trào	31			
	Trong đó: - Đào tạo cán bộ	31.01			
	- Trợ cấp	31.02			
	- Hỗ trợ du lịch	31.03			
	Cộng chi NSCĐ				
4	Kinh phí nộp cấp trên quản lý trực tiếp	37			
	Tổng cộng chi				
	III- Kinh phí dự phòng	48			

C- THUYẾT MINH VÀ KIẾN NGHỊ CỦA CÔNG ĐOÀN CƠ SỞ

KẾ TOÁN CĐCS
(Ký, họ tên)

Ngày..... tháng..... năm 20...
TM. BAN CHẤP HÀNH CĐCS
(Ký, họ tên, đóng dấu)

D- NHẬN XÉT CỦA CÔNG ĐOÀN CẤP TRÊN:

KẾ TOÁN
(Ký, họ tên)

TRƯỞNG BAN TÀI CHÍNH
(Ký, họ tên)

.....Ngày.....thángnăm.....
TM.BAN THƯỜNG VỤ
(Ký, họ tên, đóng dấu)

LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG TỈNH HÒA BÌNH
CỘNG ĐOÀN GIÁO DỤC HOÀ BÌNH

KẾ HOẠCH THU KINH PHÍ CÔNG ĐOÀN 2020

Đơn vị tính: đồng

TT	Tên đơn vị	SỐ LIỆU BHXH CUNG CẤP			SỐ LIỆU ĐƠN VỊ DỰ TOÁN XÂY DỰNG							
		Số lao động đến thời điểm tháng 9/2019	Quỹ lương tháng 9/2019	Lương bình quân 1 lao động/tháng	2% Kinh phí công đoàn					1% Đoàn phí công đoàn		
					Lao động phải đóng KPCĐ nhưng chưa tham gia BHXH	Dự kiến lao động tăng, giảm trong năm	Công lao động phải đóng KPCĐ	Ước quỹ lương thực hiện năm 2020 (tăng 10% trên 1 lao động)	2% kinh phí công đoàn phải thu năm 2020	Lương bình quân /đoàn viên (lương BQ lao động tháng 9 * 10%)	Số đoàn viên	1% đoàn phí công đoàn phải thu 2020
1	2	3	4	5=4/3	6	7	8=3+6+7 (hoặc trừ 7)	9=(lương bình quân LĐ (5) * LĐ phải đóng KPCĐ (8) * 12 tháng) * 10%	10=9*2%	11=5*1,1	12	13=11*12*12 tháng
I	HCSN	2,485	14,298,897,995		9	(4)	2,490	189,206,857,011	3,784,139,000		2,490	1,892,071,000
1	Sở Giáo dục và đào tạo Hoà Bình	52	341,929,173	6,575,561			52	4,513,465,088	90,269,000	7,233,117.13	52	45,135,000
2	T. tâm GDTX tỉnh HB	36	238,572,343	6,627,010			36	3,149,154,932	62,983,000	7,289,710.49	36	31,492,000
3	Trung tâm Kỹ thuật THHN-NNTH	28	200,514,763	7,161,242			28	2,646,794,876	52,936,000	7,877,365.70	28	26,468,000
4	Trường cao đẳng sư phạm Hoà Bình	128	765,926,703	5,983,802			128	10,110,232,484	202,205,000	6,582,182.61	128	101,102,000
5	Trường PTDT nội trú THPT tỉnh HB	72	487,424,197	6,769,781		(4)	68	6,076,554,985	121,531,000	7,446,758.56	68	60,766,000
6	Trường PTDTNT THCS&THPT Lương Sơn	26	132,440,637	5,093,871			26	1,748,216,404	34,964,000	5,603,257.71	26	17,482,000
7	Trường PTDTNT THCS&THPT Đà Bắc	40	193,976,630	4,849,416			40	2,560,491,516	51,210,000	5,334,357.33	40	25,605,000
8	Trường PTDT nội trú THCS B Đà Bắc	31	128,733,613	4,152,697			31	1,699,283,696	33,986,000	4,567,966.92	31	16,993,000
9	Trường PTDTNT THCS&THPT Cao Phong	39	209,106,513	5,361,705			39	2,760,205,976	55,204,000	5,897,876.02	39	27,602,000
10	Trường PTDTNT THCS&THPT Tân Lạc	41	228,826,253	5,581,128		(2)	39	2,873,164,761	57,463,000	6,139,240.94	39	28,732,000
11	Trường PTDTNT THCS&THPT Lạc Sơn	36	198,642,330	5,517,843			36	2,622,078,756	52,442,000	6,069,626.75	36	26,221,000
12	Trường PTDTNT THCS&THPT Yên Thủy	33	159,781,648	4,841,868			33	2,109,117,751	42,182,000	5,326,054.93	33	21,091,000

TT	Tên đơn vị	SỐ LIỆU BHXH CUNG CẤP			SỐ LIỆU ĐƠN VỊ DỰ TOÁN XÂY DỰNG							
		Số lao động đến thời điểm tháng 9/2019	Quỹ lương tháng 9/2019	Lương bình quân 1 lao động/tháng	2% Kinh phí công đoàn					1% Đoàn phí công đoàn		
					Lao động phải đóng KPCĐ nhưng chưa tham gia BHXH	Dự kiến lao động tăng, giảm trong năm	Công lao đóng phải đóng KPCĐ	Ước quỹ lương thực hiện năm 2020 (tăng 10% trên 1 lao động)	2% kinh phí công đoàn phải thu năm 2020	Lương bình quân /đoàn viên (lương BQ lao động tháng 9 * 10%)	Số đoàn viên	1% đoàn phí công đoàn phải thu 2020
1	2	3	4	5=4/3	6	7	8=3+6+7 (hoặc trừ 7)	9=l(ương bình quân LĐ (5) * LĐ phải đóng KPCĐ (8) * 12 tháng) * 10%	10=9*2%	11=5*1,1	12	13=11*12*12 tháng
13	Trường PTDTNT THCS&THPT Lạc Thủy	35	168,294,010	4,808,400			35	2,221,480,932	44,430,000	5,289,240.31	35	22,215,000
14	Trường PTDTNT THCS&THPT Mai Châu	40	231,912,680	5,797,817			40	3,061,247,376	61,225,000	6,377,598.70	40	30,612,000
15	Trường PTDT nội trú THCS B Mai Châu	32	159,928,157	4,997,755			32	2,111,051,668	42,221,000	5,497,530.39	32	21,111,000
16	Trường PTDTNT THCS&THPT Kim Bôi	42	229,610,550	5,466,918			42	3,030,859,260	60,617,000	6,013,609.64	42	30,309,000
17	Trường THPT Ngô Quyền	32	186,975,000	5,842,969			32	2,468,070,000	49,361,000	6,427,265.63	32	24,681,000
18	Trường THPT Lạc Long Quân	52	328,619,500	6,319,606		1	53	4,421,196,196	88,424,000	6,951,566.35	53	44,212,000
19	Trường THPT Công nghiệp Hoà Bình	68	467,793,447	6,879,315			68	6,174,873,496	123,497,000	7,567,246.93	68	61,749,000
20	Trường THPT Chuyên Hoàng Văn Thụ	121	804,246,373	6,646,664		5	126	11,054,731,968	221,095,000	7,311,330.67	126	110,547,000
21	Trường THPT Lương Sơn	87	544,997,300	6,264,337			87	7,193,964,360	143,879,000	6,890,770.46	87	71,940,000
22	Trường THPT Nam Lương Sơn	54	281,433,993	5,211,741			54	3,714,928,712	74,299,000	5,732,914.68	54	37,149,000
23	Trường THPT Cù Chính Lan	58	362,077,450	6,242,715	3	(2)	59	4,861,826,173	97,237,000	6,866,986.12	59	48,618,000
24	Trường THPT Kỳ Sơn	46	295,142,677	6,416,145			46	3,895,883,332	77,918,000	7,057,759.66	46	38,959,000
25	Trường THPT Phú Cường - Kỳ Sơn	34	181,225,320	5,330,156			34	2,392,174,224	47,843,000	5,863,172.12	34	23,922,000
26	Trường THPT Đà Bắc	47	257,945,300	5,488,198		2	49	3,549,766,384	70,995,000	6,037,017.66	49	35,498,000
27	Trường THPT Mường Chiềng - Đà Bắc	36	171,392,980	4,760,916			36	2,262,387,336	45,248,000	5,237,007.72	36	22,624,000
28	Trường THPT Yên Hoà - Đà Bắc	30	134,341,173	4,478,039			30	1,773,303,488	35,466,000	4,925,843.02	30	17,733,000
29	Trường THPT Cao Phong	46	299,762,173	6,516,569		1	47	4,042,879,399	80,858,000	7,168,225.88	47	40,429,000
30	Trường THPT Thạch Yên - Cao Phong	35	169,006,023	4,828,744		(1)	34	2,167,140,093	43,343,000	5,311,617.88	34	21,671,000

TT	Tên đơn vị	SỐ LIỆU BHXH CUNG CẤP			SỐ LIỆU ĐƠN VỊ DỰ TOÁN XÂY DỰNG							
		Số lao động đến thời điểm tháng 9/2019	Quỹ lương tháng 9/2019	Lương bình quân 1 lao động/tháng	2% Kinh phí công đoàn					1% Đoàn phí công đoàn		
					Lao động phải đóng KPCĐ nhưng chưa tham gia BHXH	Dự kiến lao động tăng, giảm trong năm	Công lao đóng phải đóng KPCĐ	Ước quỹ lương thực hiện năm 2020 (tăng 10% trên 1 lao động)	2% kinh phí công đoàn phải thu năm 2020	Lương bình quân /đoàn viên (lương BQ lao động tháng 9 * 10%)	Số đoàn viên	1% đoàn phí công đoàn phải thu 2020
1	2	3	4	5=4/3	6	7	8=3+6+7 (hoặc trừ 7)	9=(lương bình quân LĐ (5) * LĐ phải đóng KPCĐ (8) * 12 tháng) * 10%	10=9*2%	11=5*1,1	12	13=11*12*12 tháng
31	Trường THPT Tân Lạc	52	326,589,623	6,280,570			52	4,310,983,028	86,220,000	6,908,626.65	52	43,110,000
32	Trường THPT Lũng vân - Tân Lạc	29	115,493,323	3,982,528			29	1,524,511,868	30,490,000	4,380,781.23	29	15,245,000
33	Trường THPT Đoàn kết - Tân Lạc	44	231,284,813	5,256,473			44	3,052,959,536	61,059,000	5,782,120.33	44	30,530,000
34	Trường THPT Mường Bi - Tân Lạc	49	267,842,000	5,466,163	3	(3)	49	3,535,514,400	70,710,000	6,012,779.59	49	35,355,000
35	Trường THPT Lạc Sơn	54	308,854,250	5,719,523			54	4,076,876,100	81,538,000	6,291,475.46	54	40,769,000
36	Trường THPT Đại Đồng - Lạc Sơn	54	283,754,607	5,254,715		2	56	3,884,285,282	77,686,000	5,780,186.43	56	38,843,000
37	Trường THPT Cộng Hòa - Lạc Sơn	52	254,362,370	4,891,584		2	54	3,486,721,103	69,734,000	5,380,742.44	54	34,867,000
38	Trường THPT Quyết Thắng - Lạc Sơn	41	201,984,400	4,926,449		(5)	36	2,341,048,460	46,821,000	5,419,093.66	36	23,410,000
39	Trường THCS và THPT Ngọc Sơn - Lạc Sơn	42	234,423,190	5,581,505			42	3,094,386,108	61,888,000	6,139,654.98	42	30,944,000
40	Trường THPT Yên Thủy A	59	348,497,914	5,906,744	3	(1)	61	4,756,110,521	95,122,000	6,497,418.74	61	47,561,000
41	Trường THPT Yên Thủy B	48	275,650,440	5,742,718			48	3,638,585,808	72,772,000	6,316,989.25	48	36,386,000
42	Trường THPT Yên Thủy C	35	182,842,129	5,224,061			35	2,413,516,103	48,270,000	5,746,466.91	35	24,135,000
43	Trường THPT Lạc Thủy	41	286,119,570	6,978,526			41	3,776,778,324	75,536,000	7,676,378.71	41	37,768,000
44	Trường THPT Lạc Thủy B	50	317,746,170	6,354,923			50	4,194,249,444	83,885,000	6,990,415.74	50	41,942,000
45	Trường THPT Lạc Thủy C	32	180,826,400	5,650,825			32	2,386,908,480	47,738,000	6,215,907.50	32	23,869,000
46	Trường THPT Thanh Hà - Lạc Thủy	37	226,017,700	6,108,586			37	2,983,433,640	59,669,000	6,719,445.14	37	29,834,000
47	Trường THPT Kim Bôi	67	378,360,460	5,647,171			67	4,994,358,072	99,887,000	6,211,888.15	67	49,944,000
48	Trường THPT 19/5 Kim Bôi	67	383,411,010	5,722,552		2	69	5,212,100,715	104,242,000	6,294,807.63	69	52,121,000

TT	Tên đơn vị	SỐ LIỆU BHXH CUNG CẤP			SỐ LIỆU ĐƠN VỊ DỰ TOÁN XÂY DỰNG							
		Số lao động đến thời điểm tháng 9/2019	Quỹ lương tháng 9/2019	Lương bình quân 1 lao động/tháng	2% Kinh phí công đoàn					1% Đoàn phí công đoàn		
					Lao động phải đóng KPCĐ nhưng chưa tham gia BHXH	Dự kiến lao động tăng, giảm trong năm	<u>Công lao động phải đóng KPCĐ</u>	Ước quỹ lương thực hiện năm 2020 (tăng 10% trên 1 lao động)	2% kinh phí công đoàn phải thu năm 2020	Lương bình quân /đoàn viên (lương BQ lao động tháng 9 * 10%)	Số đoàn viên	1% đoàn phí công đoàn phải thu 2020
1		2	3	5=4/3	6	7	8=3+6+7 (hoặc trừ 7)	9=L(ương bình quân LĐ (5) * LĐ phải đóng KPCĐ (8) * 12 tháng) * 10%	10=9*2%	11=5*1,1	12	13=11*12*12 tháng
49	Trường THPT Sào Báy - Kim Bôi	49	253,291,957	5,169,224		1	50	3,411,687,580	68,234,000	5,686,145.97	50	34,117,000
50	Trường THPT Bắc Sơn - Kim Bôi	37	173,009,157	4,675,923		(2)	35	2,160,276,497	43,206,000	5,143,515.47	35	21,603,000
51	Trường THPT Mai Châu	55	347,363,700	6,315,704			55	4,585,200,840	91,704,000	6,947,274.00	55	45,852,000
52	Trường THPT Mai Châu B	34	160,593,900	4,723,350			34	2,119,839,480	42,397,000	5,195,685.00	34	21,198,000
II	SXKD	13	48,167,000				13	635,804,400	12,716,000		13	6,358,000
53	Cty CP sách và thiết bị trường học HB	13	48,167,000	3,705,154			13	635,804,400	12,716,000	4,075,669.23	13	6,358,000
TỔNG CỘNG		2,498	14,347,064,995		9	(4)	2,503	189,842,661,411	3,796,855,000		2,503	1,898,429,000

NGƯỜI LẬP

Đinh Thị Quỳnh Như

Hoà Bình, ngày 25 tháng 11 năm 2019

TM. BAN THƯỜNG VỤ

CHỦ TỊCH



Bùi Đức Ngọc